

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	1. Viết tiếng Trung sơ cấp 3 2. Viết tiếng Trung 3		
Mã học phần:	71MAW340152 71MAW340193	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	243_71MAW340152_01 243_71MAW340193_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

I. CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC (1.0 ĐIỂM)

1. 虽然都在北京（A）工作，（B）我们（C）两年多（D）没见面了。【却】

- A. (C)
B. (A)
C. (B)
D. (D)

ANSWER: A

2. （A）老师（B）我（C）下课以后到办公室（D）找他。【让】

- A. (B)
B. (A)
C. (C)
D. (D)

ANSWER: A

3. （A）那本小说（B）你（C）翻译（D）怎么样了？【得】

- A. (D)
B. (A)
C. (B)
D. (C)

ANSWER: A

4. 我 (A) 想 (B) 跟哥哥一起 (C) 去泰国 (D) 旅游。【不】

- A. (A)
- B. (B)
- C. (C)
- D. (D)

ANSWER: A

5. 他 (A) 昨天 (B) 讲 (C) 故事非常有意思 (D)。【的】

- A. (C)
- B. (A)
- C. (B)
- D. (D)

ANSWER: A

II. CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG (1.0 ĐIỂM)

相信	病毒	害怕	改	只好
----	----	----	---	----

- 旅行的时候，我很 () 生病，因为有时候找不到医院。
- 我的电脑有 () 了，怎么办？
- 商店已经关门了，我们 () 明天去买了。
- 他做事很认真，() 他一定能做好。
- 这个汉字写得不对，我 () 一下。

III. SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH (3.0 ĐIỂM)

- 宿舍 / 搬回 / 你 / 把 / 吧 / 东西 / 去
- 站 / 总是 / 吃饭 / 着 / 他
- 我 / 不得了 / 今天 / 忙 / 得
- 飞机 / 起飞 / 马上 / 就要 / 了
- 决定 / 房子 / 他 / 把 / 卖了 / 最后

IV. HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN (3.0 ĐIỂM)

- 早晨起床太晚了，我一口饭 _____，就来上课了。（也没+V.）
- 他从中国 _____。（V. + 回去 + O.）
- _____，我在工作。（当...的时候）
- 我不是不想去，_____。（不是..A..，而是..B..）
- 这本书 _____，你应该看看。（既...又...）
- 我 _____ 去打工。（利用）

V. HOÀN THÀNH ĐOẠN ĐỐI THOẠI NGẮN VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN (2.0 ĐIỂM)

妈妈：你看看你的房间！唉！_____，真没办法！（乱七八糟/ 从来）

儿子：我的房间虽然有点儿乱，可是东西在哪儿放着我都是知道。对了，妈，我的书包在哪儿了？

妈妈：衣帽架上_____。（挂）

儿子：我看到了。对了，我的鞋也少了一只。

妈妈：床旁边_____。（放）

儿子：哦，我看到了。对了，_____。（最好）

妈妈：好，我不给你打扫，你的房间乱不乱跟我没关系。

ĐÁP ÁN THAM KHẢO VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm
I.	CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC ANSWER: A	1.0 điểm
II.	CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG 1. 害怕 2. 病毒 3. 只好 4. 相信 5. 改	1.0 điểm
III.	SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH 1. 你把东西搬回宿舍去吧。 2. 他总是站着吃饭。 3. 今天我忙得不得了 4. 飞机马上就要起飞了。 5. 他最后决定把房子卖了	3.0 điểm
IV.	HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN 1. 早晨起床太晚了，我一口饭 也没吃 ，就来上课了。 2. 他从中国 买回去很多礼物 。 3. 当他回来的时候 ，我在工作。 4. 我不是不想去， 而是没时间去 。 5. 这本书 既便宜又有意思 ，你应该看看。 6. 我 利用暑假的时候 去打工。	3.0 điểm

V.	HOÀN THÀNH ĐOẠN ĐỐI THOẠI NGẮN VỚI TỪ NGỮ HOẶC CẤU TRÚC CHO SẴN <i>(Căn cứ nội dung đoạn văn sinh viên viết)</i>	2.0 điểm
	Điểm tổng	10.0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2025

Người duyệt đề
Đã duyệt

Giảng viên ra đề
Đã ký

TS. Phạm Đình Tiến

ThS.Trương Mỹ Vân